TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-07-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Liệu**
2. Bà **Trương Thị Lệ Thanh**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Quách Kim Lân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Ông **Vũ Văn Hội** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ừng A B** - sinh năm 1979.
Địa chỉ: khu 2, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Lý Thanh P** - sinh năm 1976.
Địa chỉ: Khu dân cư 10, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị B có mặt; anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2018; bản tự khai ngày 08/03/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản hòa giải ngày 23/04/2018 và ngày 09/05/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Ừng A B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh P tự nguyện kết hôn vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 22/09/1997. Vợ chồng chung sống được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh P suốt ngày chỉ biết tụ tập ăn nhậu, không chăm lo làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, bất đồng trong cuộc sống. Chị và anh P đã sống ly thân từ tháng 07/2016 đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung tên Phạm Lý Thanh H sinh ngày 07/01/1998 và Phạm Lý Thanh T sinh ngày 25/06/2002. Khi ly hôn, do con chung Phạm Lý Thanh H đã thành niên nên chị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Phạm Lý Thanh T và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 21/03/2018 bị đơn là anh Phạm Lý Thanh P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị B tự nguyện kết hôn vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 22/09/1997. Vợ chồng chung sống được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh đi làm ăn xa nên chị B thường xuyên ghen tuông vô cớ, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, gia đình bên phía chị B thường xuyên gây áp lực cho anh, tính tình vợ chồng lại không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, bất đồng trong cuộc sống. Anh và chị B đã nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng vẫn không được nên anh và chị B đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung tên Phạm Lý Thanh H sinh ngày 07/01/1998 và Phạm Lý Thanh T sinh ngày 25/06/2002. Khi ly hôn, do con chung Phạm Lý Thanh H đã thành niên nên anh đồng ý giao con chung Phạm Lý Thanh T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; đề nghị Hội đồng xét xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ừng A B. Cho chị B được ly hôn với anh Phạm Lý Thanh P.

2) Về con chung: Giao con chung tên là Phạm Lý Thanh T sinh ngày 25/06/2002 cho chị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn, tạm thời miễn cho anh P nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3) Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Ừng A B chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Phạm Lý Thanh P hiện cư trú tại ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị B yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh P nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Ừng A B là nguyên đơn; anh Phạm Lý Thanh P là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Lý Thanh P nhưng anh Phong vắng mặt mà không có lý do chính đáng vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh P và chị B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 22/09/1997. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống; chị B và anh P hiện sống ly thân với nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng quy định "*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*". Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị B, anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị B yêu cầu ly hôn nên chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh P. Theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị B và anh P 02 con chung tên Phạm Lý Thanh H sinh ngày 07/01/1998 và Phạm Lý Thanh T sinh ngày 25/06/2002. Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện con chung Phạm Lý Thanh H đã thành niên nên các đương sự thỏa thuận giao con chung Phạm Lý Thanh T cho chị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị B hiện nay đang buôn bán, có thu nhập ổn định, cháu T cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được do chị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; xét thấy việc giao cháu T cho chị B nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định về các tâm sinh lý cũng như sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Phạm Lý Thanh T cho chị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho anh P nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Ừng A B chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ừng A B. Chị Ừng A B được ly hôn với anh Phạm Lý Thanh P.

2) Về con chung: Giao con chung tên là Phạm Lý Thanh T sinh ngày 25/06/2002 cho chị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho anh P nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Ừng A B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai số 004691 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị B đã nộp đủ án phí.

Chị Ừng A B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Lý Thanh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã N.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn